

Bản án số: 08/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 3 - 2021

V/v: Tranh chấp ly hôn và nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THIỆU HÓA, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Đạt –Thẩm phán.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Công Lâm.

2. Bà Trịnh Thị Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Quy– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa tham gia phiên tòa:
Bà Hoàng Thị Minh - KSV.

Ngày 30 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 152/2020/TLST - HNGĐ ngày 19/11/2020 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 09/02/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2021/QĐST-HNGĐ ngày 01/3/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trịnh Thị T, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Thôn A, xã TT, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Chị T vắng mặt tại phiên tòa (Có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Văn S, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Thôn A, xã TT, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Anh S vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 16/9/2020, bản tự khai ngày 23/11/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Trịnh Thị T trình bày:

Giữa nguyên đơn và bị đơn là anh Phạm Văn S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Định Hải, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 31/12/2010. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp về tính tình, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xúc phạm nhau, hai bên không có tiếng nói chung, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc; tháng 10 năm 2020 chị T đã mang con nhỏ đi ở riêng vợ chồng không quan tâm gì đến nhau nữa. Xét thấy

tình cảm vợ chồng không còn mục đích hôn nhân không đạt được, chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với anh Phạm Văn S.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Phạm Thị Thu H, sinh ngày 26/11/2011, hiện đang ở với chị T; Ly hôn chị T đề nghị Tòa án giao cháu H cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

Về tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn trình bày ngày không đề ngày tháng của anh Nguyễn Văn S anh S có quan điểm: anh S và chị Trịnh Thị T tự nguyện yêu nhau, vợ chồng lấy nhau đã hơn 10 năm, thời gian gần đây vợ chồng kinh tế xa sút, chưa được ổn định, vì một chút kinh tế có nợ không đáng kể mà thắc mắc không được vui, mà vợ đòi ly hôn. Nếu trường hợp chị T cứ cương quyết ly hôn anh đề nghị Tòa án giao con cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, vì chị T chưa có nhà cửa ổn định, ở trọ, khi thì về nhà mẹ đẻ, nhưng mẹ chị T đã lấy chồng khác, chị T đang ở nhà đất của bố dượng nên không tiện cho sinh hoạt, anh đề nghị Tòa án phân giải cho chị T được thông.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đã phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Trong quá trình từ khi thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán được phân công và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án thụ lý đúng thẩm quyền xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp. Căn cứ quy định của pháp luật, tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, Nguyên đơn phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy;

[1] Về tố tụng: Anh Phạm Văn S đã được thông báo hợp lệ đến phiên hòa giải nhiều lần nhưng anh S không đến để tham gia phiên hòa giải, đây là trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh S đã được thông báo và triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, chị Trịnh Thị T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt do đó căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị T và anh S.

[2]. Về hôn nhân: Chị Trịnh Thị T và anh Phạm Văn S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và không vi phạm các điều cấm của luật hôn nhân gia đình như vậy là hôn nhân hợp pháp. Thấy rằng quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn nhỏ, đến cuối năm 2020 phát sinh mâu thuẫn dẫn đến chị T bỏ về bên ngoại ở, nguyên nhân do không hợp tính tình như ý kiến chị T khai, anh S cho rằng do kinh tế khó khăn nợ nần nên cũng có phần mâu thuẫn tiền bạc dẫn đến chị T xin ly hôn; Thực tế theo xác minh thì hai bên đã ly thân từ tháng 10 năm 2020 chị T bỏ

về bên ngoại sinh sống. Mặc dù Tòa án đã thông báo tiến hành phiên hòa giải 02 lần và 02 lần mở phiên tòa nhưng anh S vắng mặt, điều đó chứng tỏ anh S cũng không thiết tha, níu kéo hôn nhân; Điều này chứng tỏ cuộc sống vợ chồng đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 điều 56 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị T được ly hôn anh S là phù hợp.

[3]. Về con chung: Chị T khai nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Phạm Thị Thu H, sinh ngày 26/11/2011, chị T xuất trình cho Tòa án bản sao trích lục khai sinh của cháu Phạm Thị Thu H có ghi họ tên mẹ là chị Trịnh Thị T, họ tên bố là Phạm Văn S; Như vậy đủ cơ sở khẳng định các cháu Phạm Thị Thu H là con chung của chị T và anh S. Hiện cháu H đang ở với chị T và có đi lại với ông bà nội, cháu H có nguyện vọng được ở với chị T, nên theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị T giao cháu H cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp; Nuôi con cái là trách nhiệm của cha mẹ, tuy nhiên chị T không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung, nên ghi nhận ý kiến của chị T, anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

[4]. Về tài sản và công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên miễn xét. Trong vụ án này, Hội đồng xét xử không biết được nội dung yêu cầu của anh S đối với phần tài sản, công nợ giữa anh S và chị T; nếu có sẽ tự bản bạc thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi các bên có đơn khởi kiện.

[5]. Về án phí: Chị T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1, Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Điều 6, Điều 9; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Trịnh Thị T được ly hôn anh Phạm Văn S.
2. Về nuôi con chung: Giao cháu Phạm Thị Thu H, sinh ngày 26/11/2011 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

Anh S có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc các bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị T phải chịu tiền án phí sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000đ(*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ(*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số AA/2017/0005843 ngày 17/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thiệu Hóa, chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Trình hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Chị T, anh S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thiệu Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Thi hành án dân sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Đạt

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Công Lâm Trịnh Thị Hạnh

Hoàng Văn Đạt